



WILL vs. BE GOING TO

Look
Think
Choose
& Fill!

Chia động từ – 20 câu bài tập

1 Put the verbs in brackets into the correct form.

(Chia động từ trong ngoặc ở thì Future Simple (will) hoặc Be going to.)

- 1 Look at those dark clouds! It _____ (rain) soon.
- 2 I think our team _____ (win) the football match tomorrow.
- 3 Be careful! You _____ (fall) off the ladder.
- 4 I'm thirsty. I _____ (get) a glass of water.
- 5 She has bought some flour, eggs and butter. She _____ (make) a cake this afternoon.
- 6 I promise I _____ (help) you with your homework.
- 7 Look! That boy is riding his bike too fast. He _____ (crash).
- 8 We have already booked the tickets. We _____ (visit) Da Nang next weekend.
- 9 I'm sure you _____ (pass) the English exam.
- 10 A: The phone is ringing.
B: I _____ (answer) it.
- 11 They have decided to move to a new house. They _____ (move) next month.
- 12 I think it _____ (be) sunny tomorrow.
- 13 Watch out! The glass _____ (fall) off the table.
- 14 My sister has saved enough money. She _____ (buy) a new laptop next week.
- 15 I'm sure he _____ (not forget) your birthday.
- 16 A: I can't carry all these bags.
B: Don't worry! I _____ (carry) some of them for you.
- 17 Look at the baby! She _____ (cry).
- 18 We have planned everything. We _____ (have) a picnic in the countryside this Sunday.
- 19 Perhaps people _____ (live) on Mars in the future.
- 20 He is driving very fast. He _____ (have) an accident if he doesn't slow down.

★ Gợi ý nhận biết

Will

- think (nghĩ)
- believe (tin tưởng)
- perhaps (có lẽ)
- probably (có thể)
- I'm sure (tôi chắc chắn)
- promise (hứa)
- quyết định ngay lúc nói
- lời đề nghị hoặc lời hứa.

Be going to

- có dự định từ trước
- đã chuẩn bị
- hoặc có bằng chứng rõ ràng ở hiện tại.

Good
Luck!

